

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Ngọc Liêm;

ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Dương Công Tr, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ 03/70, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ 08, ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. ông NLC, sinh năm 1962;

2. ông NLC1, sinh năm 1952.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2022, sửa đổi, bổ sung ngày 14/10/2022, biên bản lấy lời khai, ông Dương Công Tr trình bày: bắt đầu từ năm 2014 dương lịch, ông Nh có kinh doanh ngọc trai, đá quý, chỉ kinh doanh với mục đích cá nhân. Khi đó, ông Nh có vay tiền của ông Tr, lãi suất 02%/tháng, cụ thể các lần sau đây:

Tháng 1 năm 2014 dương lịch, ông Nh trực tiếp vay và nhận số tiền 300.000.000 đồng; Tháng 4 năm 2014 dương lịch, ông Nh tiếp tục vay và nhận số tiền 450.000.000 đồng; Tiếp đến, tháng 5 năm 2014 dương lịch, ông Nh trực tiếp vay và nhận số tiền 550.000.000 đồng.

Qua các lần vay trên, ông Nh hứa hẹn trong vòng 06 tháng trả lại tiền vốn, lãi nhưng chưa thực hiện việc trả lãi, vốn.

Lần cuối cùng, vào ngày 22/12/2015 âm lịch, ông Nh trực tiếp vay và nhận số tiền 500.000.000 đồng, hẹn trong vòng 06 tháng sẽ trả vốn, lãi suất 02%/tháng. Lúc bấy giờ, ông Nh gộp 03 lần vay của các tháng 1, 4, 5 năm 2014 với lần vay ngày 22/12/2015 âm lịch vào chung một tờ giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch nên các giấy tờ vay tiền của các tháng 1, 4, 5 năm 2014 được ông Tr hủy bỏ.

Sau khi ông Nh tự viết tờ giấy mượn nợ ngày 22/12/2015 âm lịch, với số tiền tổng cộng 1.800.000.000 đồng và đưa cho ông Tr giữ làm bằng chứng, hẹn đến cuối tháng 1 năm 2016 trả lại tiền gốc. Việc cho vay tiền không có nhận thế chấp, cầm giữ giấy tờ, tài sản nào của ông Nh.

Vì vậy, ông Tr yêu cầu ông Nh trả lại cho ông Tr số tiền gốc 1.800.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của ông Tr, giữ nguyên khởi kiện đối với ông Nh về yêu cầu trả lại số tiền vay 1.800.000.000 đồng, do năm 2014, khi vay các khoản tiền 300.000.000 đồng, 350.000.000 đồng, 450.000.000 đồng thì ông Nh chỉ nói miệng. Đến năm 2015, ông Nh nhận vay thêm số tiền 500.000.000 đồng. Việc ông Nh nhận tiền của các lần vay được chứng minh bằng tờ “giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch” trong đó ông Nh có ghi số tiền gộp chung vốn gốc 1.800.000.000 đồng, có chữ ký tên và viết họ tên ông Phạm Văn Nh.

Ý kiến của ông Sự, không trực tiếp chứng kiến việc cho vay tiền, giao tiền giữa hai bên ông Tr và ông Nh, chỉ có chứng kiến cuộc nói chuyện giữa ông Tr và ông Nh về việc ông Tr đòi ông Nh trả nợ.

Ý kiến của NLC1, không trực tiếp chứng kiến việc cho vay tiền, giao tiền nhưng NLC1 nghe ông Tr nói lại và có chứng kiến cuộc nói chuyện giữa ông Tr và ông Nh về việc ông Tr đòi ông Nh trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ông Tr đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Nh từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tiền là tự nguyện, có giấy nhận nợ của ông Nh, có chữ ký tên của ông Nh với nội dung ông Nh mượn tiền của ông Tr 1.800.000.000 đồng. Quá trình thực hiện, ông Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ông Tr khởi kiện ông Nh là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Tr và ông Nh, chấp nhận yêu cầu của ông Tr, buộc ông Nh phải trả lại số tiền 1.800.000.000 đồng cho ông Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông Tr có đơn khởi kiện đối với ông Nh về yêu cầu trả lại tiền vay. Ông Nh có địa chỉ cư trú ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Tr cho rằng ông Nh có vay các khoản tiền 300.000.000 đồng, 450.000.000 đồng, 550.000.000 đồng của ông Tr lần lượt vào các tháng 1, 4, 5 năm 2014 dương lịch. Đến ngày 22/12/2015 âm lịch, ông Nh vay thêm 500.000.000 đồng và được gộp chung vào số tiền tại các khoản vay của tháng 1, 4, 5 năm 2014 dương lịch thành 1.800.000.000 đồng theo tờ “giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch” nhưng ông Nh không trả lại tiền vay gốc đầy đủ cho ông Tr.

Tại giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch mà ông Tr cho rằng ông Nh có nhận tiền vay, tự ghi và ký tên, thể hiện: “...Tôi có mượn tiền của chú Dương Công Tr... với tổng số tiền là 1,8 tỷ (một tỷ tám trăm triệu đồng). Đến cuối tháng 01 năm 2016 sẽ trả...”. Ngoài ra, tại tờ tự khai ngày 16/11/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2022 của ông NLC1, ông NLC xác định “...chỉ chứng kiến hai bên nói chuyện nợ nần với nhau mà không biết rõ ông Nh nợ cụ thể số tiền bao nhiêu đối với ông Tr, không trực tiếp chứng kiến ông Nh ghi tờ giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch...”.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nh vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr, xem như ông Nh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc dựa vào tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do ông

Tr đưa ra theo quy định khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, Tòa án xác định giữa ông Nh và ông Tr đã xác lập hợp đồng vay tiền vào năm 2014, có lãi, có thỏa thuận thời hạn trả vốn, lãi. Đến năm 2015, ông Tr cho ông Nh vay thêm tiền cũng có lãi, có thỏa thuận thời hạn trả vốn, lãi. Tuy nhiên, số tiền gốc của các lần vay vào năm 2014 được cộng gộp lại vào ngày 22/12/2015 âm lịch thành số tiền vốn gốc 1.800.000.000 đồng, đồng thời hai bên có thỏa thuận mới về thời hạn trả lại vốn gốc là cuối tháng 01 năm 2016. Hợp đồng vay tài sản được xác lập có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[4] Theo thỏa thuận, ông Tr đã giao tiền vay nhưng đến hạn là cuối tháng 01 năm 2016 ông Nh không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lại tiền vay gốc là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đối với ông Tr được chứng minh bằng tờ “giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 âm lịch”. Do đó, ông Tr khởi kiện là có căn cứ.

[5] Tuy hợp đồng vay các khoản tiền được xác lập vào năm 2014. Đến năm 2015, hai bên xác lập thỏa thuận mới về thời hạn trả lại toàn bộ vốn gốc nhưng tại thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp, ông Nh chưa trả dứt số tiền vay, quan hệ hợp đồng còn đang thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng quy định Điều 463, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Tr về khởi kiện ông Nh trả lại số tiền vay 1.800.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Tr nên ông Nh phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Công Tr đối với bị đơn ông Phạm Văn Nh về yêu cầu trả tiền vay.

Buộc ông Phạm Văn Nh phải có trách nhiệm trả lại cho ông Dương Công Tr số tiền vay gốc 1.800.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: ông Dương Công Tr được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 33.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012691 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Phạm Văn Nh phải chịu 66.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Tr có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông Nh vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân